

CHIẾN LƯỢC PHÊ BÌNH CỦA GIÁM KHẢO TRONG CHƯƠNG TRÌNH *GIỌNG HÁT VIỆT* NĂM 2018

TRẦN VĂN THUẬT*

Abstract: The research aims to (1) examine the criticism strategies employed by judges in the 2018 season of *The Voice Vietnam*, and (2) demonstrate how cultural traits influence the selection of these criticism strategies. Through a detailed analysis of the corpus, it was determined that judges utilized three primary criticism strategies: direct, indirect, and combined. Nevertheless, influenced by cultural factors, Vietnamese judges predominantly favored indirect strategies. This study also offers insights for enhancing the understanding and delivery of criticism within the Vietnamese context.

Keywords: *speech acts, criticism, criticism strategies.*

1. Dẫn nhập

Ngôn ngữ, giao tiếp và văn hoá là những yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời. Theo Brown & Levinson [2, tr.1], mỗi ngôn ngữ có những quy tắc giao tiếp riêng và mỗi nền văn hoá lại có những chuẩn mực riêng về hình thức giao tiếp.

Phê bình là một trong những hành động ngôn ngữ thường gặp mà bất kì cộng đồng ngôn ngữ nào cũng có. Trong giao tiếp hàng ngày, hành động phê bình được thực hiện với nhiều mục đích: không đồng tình, khắc phục những điều chưa chuẩn mực, chưa thoả đáng hoặc mục đích khuyến bảo.... Việc lựa chọn chiến lược phê bình phù hợp được coi là thành công trong nghệ thuật giao tiếp. Đây là một hành vi cần thiết và quan trọng trong giao tiếp mặc dù đôi khi nó được coi là hành vi tiêu cực, đe dọa đến thể diện của cả người nói và người nghe. Chính vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu đã nghiên cứu hành động phê bình trên tư liệu ở nhiều ngôn ngữ khác nhau; có thể kể đến các tác giả như: House và Kasper [5], Tracy, Van Dusen và Robison [12], Tracy và Eisenberg [11], Nguyễn Thị Thuý Minh [8], [9], Vũ Thuý Linh [14], Trần Hoài Ninh [13]... . Nhiều khía cạnh của hành động phê bình được nghiên cứu để phục vụ chiến lược giao tiếp nhưng vẫn chưa đầy đủ. Mặc dù, đã có một số nghiên cứu về phê bình được thực hiện, nhưng các tác giả chỉ xem xét phê bình từ góc độ ngữ dụng hoặc cú pháp mà chưa có nhiều công trình nghiên cứu về hành động phê bình đối với các chương trình truyền hình thực tế.

Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu chiến lược phê bình được các giám khảo sử dụng trong chương trình *Giọng hát Việt (The Voice Vietnam)* năm 2018.

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là:

- Chiến lược phê bình nào được giám khảo sử dụng trong chương trình truyền hình *Giọng hát Việt* năm 2018?

- Những đặc trưng văn hoá liên quan đến lựa chọn chiến lược phê bình là gì?

Nghiên cứu được thực hiện nhằm các mục đích sau đây:

- Mô tả và phân tích các chiến lược phê bình được ban giám khảo sử dụng trong các số phát sóng chương trình truyền hình *Giọng hát Việt* của Đài truyền hình Việt Nam;

- Chỉ ra mối quan hệ giữa ngôn ngữ văn hoá và việc lựa chọn chiến lược phê bình.

* Trường Đại học Mở Hà Nội

2. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu gồm các phát ngôn được thu thập từ những tập phát sóng chương trình *Giọng hát Việt (The Voice Vietnam)* năm 2018. Đây là một chương trình truyền hình thực tế của Đài truyền hình Việt Nam (VTV). Chương trình xây dựng dựa trên format cuộc thi ca hát thực tế “The Voice of Holland”. Thí sinh là những ca sĩ đầy triển vọng được tuyển chọn từ các buổi thử giọng công khai. Họ sẽ tập luyện với các huấn luyện viên là những ca sĩ, nhạc sĩ hoặc nhà sản xuất âm nhạc nổi tiếng trong nước. Sau mỗi phần trình diễn của các thí sinh, ban giám khảo thường đưa ra nhận xét và phản hồi bao gồm cả lời khen và lời phê bình.

Trong bài viết, chúng tôi tập trung mô tả và phân tích các phát ngôn chứa lời phê bình và chiến lược ban giám khảo sử dụng đưa ra lời phê bình mà không khảo sát các hành động phi ngôn ngữ. Tư liệu nghiên cứu là 169 phát ngôn phê bình của giám khảo trong 12 chương trình phát sóng của chương trình *Giọng hát Việt* phát sóng trên VTV năm 2018. Dữ liệu âm thanh được xử lý bằng cách chuyển sang dạng văn bản theo đúng trình tự và ngữ cảnh. Dữ liệu sau đó được phân loại thành bảng dựa trên phân loại các chiến lược phê bình.

Trong quá trình phân tích dữ liệu, chúng tôi sử dụng một số thao tác trong nghiên cứu của Milles và Huberman [7] gồm: thu thập dữ liệu, xử lý phân tích dữ liệu, diễn giải, kết luận và đề xuất.

Phương pháp được sử dụng trong bài viết là phương pháp miêu tả và phân tích diễn ngôn. Hai phương pháp này được sử dụng để mô tả và phân tích các chiến lược khác nhau mà giám khảo sử dụng trong các chương trình. Bên cạnh đó, phương pháp định lượng được áp dụng để điều tra tần suất được sử dụng của mỗi chiến lược để hỗ trợ và chứng minh cho các mô tả định tính.

3. Cơ sở lý luận

3.1. Khái niệm hành động phê bình

Định nghĩa về hành động phê bình được đưa ra từ khá sớm. Đó là quan niệm của John L. Austin [1, tr.150-163] khi cho rằng phê bình là một hành động có chức năng thể hiện phản ứng tiêu cực của người nói đối với thói quen xấu của người nghe. Quan niệm về phê bình được sử dụng rộng rãi là của Tracy và cộng sự [12]. Hai học giả này coi cả phê bình và phản nản là hành động “tìm lỗi” và định nghĩa hai hành động ngôn từ này là “đánh giá tiêu cực về một người hoặc một hành động mà người đó bị coi là chịu trách nhiệm” [12, tr.56].

Leech [6, tr.327-329] cũng đưa ra một nhận định tương tự như vậy khi cho rằng phê bình là một phát ngôn có chức năng thể hiện hành động tâm lý hướng đến tình trạng tiêu cực của người nghe.

Nguyễn Thị Thủy Minh [8, tr.110] nêu rằng phê bình là một hành động ngôn từ có mục đích là đưa ra những đánh giá tiêu cực về các lựa chọn, hành động, lời nói và sản phẩm của người nghe mà người đó có thể phải chịu trách nhiệm.

Qua các khái niệm phê bình của các học giả trong và ngoài nước, chúng tôi cho rằng phê bình là một phán đoán hoặc đánh giá tiêu cực hướng đến ai đó hoặc điều gì đó. Do đó, khi thực hiện hành động này, mọi người phải nhận thức được bối cảnh nói, sau đó xác định chiến lược nào là tốt nhất để áp dụng khi đưa ra lời phê bình của mình.

3.2. Điều kiện tiên quyết của hành vi phê bình

Theo Nguyễn Thị Thủy Minh [8, tr.111], cần phải đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau đây để hành vi ngôn từ phê bình diễn ra:

- Hành động được thực hiện hoặc lựa chọn do người nghe đưa ra được coi là không phù hợp theo một tập hợp các tiêu chí đánh giá mà người nói nắm giữ hoặc một số giá trị và chuẩn mực mà người nói cho là được chia sẻ với người nghe.

- Người nói cho rằng hành động hoặc lựa chọn không phù hợp này có thể mang lại hậu quả bất lợi cho người nghe hoặc công chúng nói chung thay vì cho chính người nói.

- Người nói cảm thấy không hài lòng với hành động hoặc lựa chọn không phù hợp của người nghe và cảm thấy thôi thúc muốn cho mọi người biết ý kiến của mình.
- Người nói nghĩ rằng lời phê bình của mình sẽ dẫn đến sự thay đổi trong hành động hoặc hành vi trong tương lai của người nghe và tin rằng người nghe sẽ không thay đổi hoặc đưa ra biện pháp khắc phục tình hình nếu không có lời phê bình của mình.

3.3. Phân loại các chiến lược phê bình

Các nhà nghiên cứu có nhiều cách khác nhau để phân loại chiến lược phê bình. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ làm rõ chiến lược phê bình theo phân loại của Nguyễn Thị Thuỷ Minh [8] và đây cũng được sử dụng làm cơ sở lí luận của nghiên cứu này.

Nguyễn Thị Thuỷ Minh [8, tr.111-114] cho rằng có hai chiến lược phê bình chính là phê bình trực tiếp và phê bình gián tiếp. Phê bình trực tiếp là sự thể hiện trực tiếp những đánh giá tiêu cực mà không có sự dè dặt, đe dọa đến thể diện tích cực của người nghe (tức là hình ảnh bản thân trước công chúng của người đó) và sự cởi mở của giao tiếp. Theo phân loại của tác giả, các tiêu chí chiến lược thuộc nhóm chiến lược phê bình trực tiếp bao gồm: đánh giá tiêu cực, bày tỏ sự không chấp thuận, thể hiện sự bất đồng, chỉ ra các hạn chế, tuyên bố về khó khăn của bản thân người phê bình, đưa ra hậu quả của hành vi. Ngược lại, phê bình gián tiếp giúp cho việc giao tiếp trôi chảy hơn. Đây là những ngụ ý thay vì tuyên bố các hạn chế với sự lựa chọn, hành động, công việc,.. của người nghe. Mục đích của phê bình gián tiếp là khéo léo đưa ra các nhận xét, gợi mở để người được phê bình tự nhận thức và thay đổi mà không cảm thấy bị công kích trực tiếp. Phê bình gián tiếp được thể hiện qua các tiêu chí chiến lược như: sửa lỗi, chỉ ra tiêu chuẩn đúng, yêu cầu thay đổi, khuyên người nghe nên thay đổi, đưa ra cách sửa lỗi, dùng câu hỏi giả định...

4. Kết quả và thảo luận

Trên cơ sở phân tích 169 phát ngôn thu thập được, chúng tôi nhận thấy khi đưa ra lời phê bình, các giám khảo trong chương trình *Giọng hát Việt* năm 2018 đã áp dụng đầy đủ các chiến lược trong khung lí thuyết, cụ thể là phê bình trực tiếp và phê bình gián tiếp. Bên cạnh đó, họ còn sử dụng chiến lược kết hợp giữa chiến lược phê bình trực tiếp và gián tiếp. Việc phân loại các chiến lược trực tiếp, gián tiếp và hỗn hợp dựa theo (1) sự minh bạch về ngôn từ, (2) chiến lược thực hiện và (3) biểu thức ngữ nghĩa.

Bảng 1. Các loại chiến lược phê bình

Chiến lược phê bình	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Trực tiếp	70	41,4
Gián tiếp	85	50,3
Kết hợp	14	8,3
Tổng cộng	169	100

Kết quả Bảng 1 cho thấy: giám khảo sử dụng chiến lược gián tiếp với tần suất cao nhất khi nhận xét về phần trình diễn của thí sinh, gồm 85/169 phát ngôn phê bình gián tiếp chiếm 50,3%, tiếp theo là chiến lược trực tiếp chiếm 41,4% với 70/169 phát ngôn và chiến lược kết hợp chiếm tỉ lệ thấp nhất với chỉ khoảng 8,3% tổng số dữ liệu (14 trong số 169 lời phê bình).

Kết quả khảo sát cho thấy cách ứng xử trong giao tiếp của người Việt. Người Việt Nam ưa sự tế nhị, ý tứ và trọng sự hoà thuận. Lời giao tiếp tế nhị, ý tứ khiến người Việt Nam có thói quen không bao giờ mở đầu trực tiếp, nói thẳng vào vấn đề như người phương Tây. Lời giao tiếp ưa tế nhị ý tứ là sản phẩm của lối sống trọng tình và lối tư duy coi trọng các mối quan hệ (tư duy tổng hợp, biện chứng). Nó tạo nên một thói quen dẫn đo cân nhắc kĩ càng khi nói năng.

Cũng theo nghiên cứu của Edward Hall [3, tr.76], văn hoá các nước châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng thuộc hệ thống văn hoá ngữ cảnh cao. Trong loại văn hoá này, mọi người không nói rõ những gì họ muốn truyền đạt. Thay vào đó, họ vòng vo cho đến khi người đối thoại giải mã đúng thông điệp. Lí giải điều này là họ duy trì, củng cố các mối quan hệ bằng cách giữ thể diện và đảm bảo sự hoà hợp. Do đó, có thể nói, trong văn hoá Việt Nam, giao tiếp được coi là một hình thức nghệ thuật - một cách để thu hút ai đó. Mọi người tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ cũng như trao đổi thông tin. Điều này giải thích tại sao trong hầu hết các trường hợp, các giám khảo của *Giọng hát Việt* đã áp dụng chiến lược gián tiếp khi đưa ra lời phê bình. Sau đây chúng tôi sẽ phân tích cụ thể từng loại chiến lược phê bình.

4.1. Chiến lược phê bình trực tiếp

Phê bình trực tiếp là chỉ ra một cách rõ ràng vấn đề trong hành vi, hành động, lựa chọn, lời nói, công việc, sản phẩm của người nghe. Các chiến lược phê bình trực tiếp mà ban giám khảo sử dụng liên quan đến giọng hát của thí sinh, lựa chọn bài hát, phong cách trình diễn.

Bảng 2. Các loại chiến lược phê bình trực tiếp

Chiến lược	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Đánh giá tiêu cực	15	21,4
Chỉ ra vấn đề	37	52,9
Chỉ ra hậu quả	11	15,7
Nêu ra khó khăn của người nói	7	10,0
Tổng cộng	70	100

Dựa vào các dấu hiệu ngôn từ và cách sử dụng từ ngữ, như sử dụng tính từ đánh giá có nghĩa tiêu cực (*yếu, mệt mỏi*) hoặc tính từ đánh giá có nghĩa tích cực cộng với tiêu cực, các cụm từ “*có vấn đề, còn sai sót...*”, Nguyễn Thị Thủy Minh [8, tr.112-113] cho rằng các chiến lược phê bình trực tiếp bao gồm đánh giá tiêu cực, chỉ ra vấn đề, hậu quả, nêu ra khó khăn của người nói. Như có thể thấy rõ ở Bảng 2, việc chỉ ra vấn đề là chiến lược mà ban giám khảo sử dụng thường xuyên nhất là đưa ra lời phê bình trực tiếp với 37/70 phát ngôn phê bình trực tiếp (52,9%). Điều này được giải thích bởi vai trò của giám khảo trong cuộc thi này. Trong các chương trình thực tế, đặc biệt là các chương trình tìm kiếm tài năng, giám khảo có quyền quyết định những người tham gia có tiếp tục tham gia các cuộc thi tiếp theo hay không. Do đó, khi đưa ra bình luận, họ có nghĩa vụ phải để người nghe hiểu rõ ràng những phát biểu của mình. Chiến lược chỉ ra vấn đề đã giúp các thí sinh nhận ra hạn chế của mình và lí do tại sao họ không được giám khảo lựa chọn.

4.2.1. Đánh giá tiêu cực

Qua những dữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy ban giám khảo chương trình đã sử dụng những từ ngữ, mẫu câu sau để phê bình những vấn đề của thí sinh liên quan đến giọng hát, lựa chọn bài hát và phong cách biểu diễn.

- *Tính từ tiêu cực*: Ban giám khảo sử dụng tính từ mang ý nghĩa tiêu cực khi đánh giá phần trình diễn của thí sinh như *yếu, mệt mỏi, cứng,...* :

(1) *Chị phải nói với em một điều là em còn yếu lắm, em còn phải cố gắng nhiều hơn nữa.* (tập 10)

(2) *Khi mà chị nghe chị thấy nó hơn bị cứng quá, nó hơi bị mệt mỏi.* (tập 1, Vòng Giấu mặt)

- Thứ hai, các giám khảo sử dụng cấu trúc phủ định “chưa” và “không” như trong *chưa tốt, chưa đúng, không tốt, hơi quá* khi muốn thể hiện sự đánh giá tiêu cực của mình:

(3) *Giọng của em nó không đủ năng lượng để hát 1 cái bài quá nhiều nốt và quá nhiều quãng thay đổi như thế này.* (tập 2, Vòng Giấu mặt)

(4) *Theo những gì mà chị nghe, lí do mà chị không quay lại là vì cái sự chuẩn bị của em chưa có chín chu về cái cách em chọn bài hát, cách em hát, xử lí cái bài hát này nó quá với em.* (tập 2, Vòng Giấu mặt)

Như có thể thấy từ các ví dụ trên, trước khi đề cập đến điểm yếu của các thí sinh, các giám khảo ở đây đã sử dụng các từ xoa dịu, điều đó có nghĩa là họ đã cố gắng đưa ra một số nhận xét tích cực về phần trình diễn của các thí sinh. Điều này không chỉ làm dịu đi những lời chỉ trích mà còn giữ thể diện của thí sinh trước công chúng.

4.2.2. Chỉ ra vấn đề

Việc chỉ ra vấn đề cũng được sử dụng như một lời phê bình trực tiếp trong tiếng Việt. Ở đây, các giám khảo sử dụng chiến lược thông qua các cấu trúc như:

a) Người/đối tượng bị phê bình + có vấn đề, còn hạn chế...

Ví dụ: (5) *Nam ca sĩ có ngoại hình như em quả thực có rất nhiều thuận lợi, nhưng giọng hát của em còn nhiều vấn đề.* (tập 2, Vòng Giấu mặt)

(6) *Cái bài hát này của em thì anh thấy còn nhiều vấn đề nhưng anh thích cái cách em suy nghĩ đơn giản lên đây thì em không cần ăn mặc cầu kì.* (tập 2, Vòng Giấu mặt)

b) em đang bị + vấn đề bị phê bình / điều bị phê bình + bị + vấn đề

(7) Em bị một cái lỗi rất là lớn trong cách hát, là cái ngân của em. (tập 3, Vòng Giấu mặt)

(8) Cái lúc mở đầu, em bị run rẩy. Cái lúc hát phần cao, giọng của em cũng chưa có vững. (tập 10)

c) Vấn đề của em là..., Hạn chế/ yếu điểm/ hạn chế của em là..., Lỗi của em là..., Cái em thiếu là... + điều bị phê bình

(9) Vấn đề em chưa giải quyết được là vấn đề về thanh nhạc. Khi em càng lên cao, em cứ co hết cái cổ lại để em gân lên. (tập 3, Vòng Giấu mặt)

(10) Em bị một cái lỗi rất là lớn trong cách hát, là cái ngân của em. (tập 3, Vòng Giấu mặt)

d) Người/ vật bị phê bình + là/ thì/ nó cứ/ vẫn còn... + tính từ/ vấn đề đánh giá tiêu cực

(11) My đó, cách em hát vẫn còn lúng túng và e dè. (tập 5)

(12) Có một vài chỗ trong bài thì nó hơi chệnh, các em cố gắng quá để thể hiện. (tập 7)

Dù được thể hiện bằng những cách thức khác nhau nhưng những lời phê bình ở các ví dụ trên đều liên quan đến những khuyết điểm mà ban giám khảo nhận thấy ở giọng hát, phong cách trình diễn của các thí sinh. Để làm rõ hơn những lời nhận xét, ban giám khảo đã sử dụng một số căn cứ như *Lí do mà chị không quay lại là, Đây là lí do duy nhất mà anh chưa cảm thấy hài lòng như trong ví dụ sau:*

(13) Theo những gì mà chị nghe, lí do mà chị không quay lại là vì cái sự chuẩn bị của em chưa có chín chu về cái cách em chọn bài hát, cách em hát, xử lí cái bài hát này nó quá với em. (tập 2, Vòng Giấu mặt)

(14) Lí do mà chị không có ấn quay lại là vì chất giọng em đẹp nhưng em chưa biết xử lí nó. Cái cường độ từ trung bình đến cao độ nó cách xa nhau quá. (tập 3, Vòng Giấu mặt)

4.2.3 Đề cập đến khó khăn của người nói

Trong tiếng Việt, khi chỉ những khó khăn mà người nghe có thể gặp phải, người ta thường sử dụng các cấu trúc như *không hiểu, khó hiểu, không hình dung được,...* Trong chương trình truyền hình Giọng hát Việt, các huấn luyện viên cũng sử dụng chiến lược này:

(15) Hiện tại chị nghe một chút thì chị thấy hơi khó hiểu, nhưng mà chị biết em sẽ giải quyết được điều này. (tập 1, Vòng Giấu mặt)

(16) Cho chị hỏi em cái lời bài hát này em lấy đâu ra. Cái lời bài hát của em hát rất là sai, em hát em phát âm sai quá nhiều, tôi không thể hiểu được nó. (tập 3, Vòng Giấu mặt)

4.2.4. Chỉ ra hậu quả

Đây cũng là một chiến lược được sử dụng để đưa ra những lời phê bình trực tiếp. Đây thực chất là lời cảnh báo về những hậu quả hoặc tác động tiêu cực từ sự lựa chọn của người nghe... đối với chính người nghe hoặc đối với công chúng. Những lời nói này được thể hiện thông qua các từ và cấu trúc như “người nói cảm thấy...”, “... làm cho, khiến, khiến cho, gây cho...” như sau:

(17) Anh có cảm tình với cách hát của em... nhưng có đôi chút chỗ em làm cố quá, nó làm cảm xúc của người nghe bị mất đi quá nhiều. (tập 1, Vòng Giấu mặt)

(18) Em hát giọng rất tình cảm, ... nhưng khoảng cao của em... làm tôi cảm thấy hụt hẫng. (tập 3, Vòng Giấu mặt)

Khi sử dụng chiến lược phê bình trực tiếp, các giám khảo đạt được hiệu quả giao tiếp mạnh mẽ và rõ ràng trong việc truyền tải thông điệp, đặc biệt khi mục tiêu là giúp người nghe (thí sinh) nhận ra điểm yếu của mình và cần cải thiện. Phê bình trực tiếp giúp người nghe hiểu ngay lập tức những điểm cần chỉnh sửa mà không phải suy đoán, từ đó thúc đẩy sự thay đổi hoặc cải tiến nhanh chóng. Đặc biệt trong môi trường thi đấu như *Giọng hát Việt*, phê bình trực tiếp thể hiện sự minh bạch, quyết đoán và sự nghiêm túc trong đánh giá. Tuy nhiên, hiệu quả giao tiếp có thể bị ảnh hưởng nếu người nghe cảm thấy bị tổn thương hoặc thiếu sự đồng cảm từ người phê bình. Khi phê bình quá mạnh mẽ hoặc thiếu tính xây dựng, thí sinh có thể cảm thấy mất tự tin hoặc bị áp lực. Đối với khán giả, phê bình trực tiếp tạo ra sự rõ ràng, dễ hiểu về tiêu chí đánh giá và làm tăng kịch tính của chương trình. Tuy nhiên, nếu không được thực hiện một cách tế nhị, việc phê bình trực tiếp có thể khiến

chương trình thiếu sự nhẹ nhàng, dễ gây cảm giác tiêu cực cho cả người nghe và khán giả. Vì vậy, trong một chiến lược phê bình trực tiếp hiệu quả, việc kết hợp giữa sự rõ ràng và tính xây dựng là rất quan trọng, giúp duy trì sự tôn trọng với người nghe mà vẫn đảm bảo tính chân thực trong đánh giá.

4.3. Chiến lược phê bình gián tiếp

Trong Chương trình truyền hình Giọng hát Việt năm 2018, chiến lược phê bình gián tiếp được ban giám khảo sử dụng để ám chỉ vấn đề về giọng hát, cách lựa chọn bài hát, phong cách biểu diễn... của thí sinh thông qua nhiều chiến lược. Các chiến lược được phân loại theo Nguyễn Thị Thủy Minh [8] gồm: cách dùng từ, dùng mẫu câu, yêu cầu thay đổi, đưa ra lời khuyên và gợi ý cách sửa lỗi, thể hiện sự mong đợi, hi vọng... Kết quả bảng 3 thể hiện các loại chiến lược phê bình gián tiếp.

Bảng 3. Các loại chiến lược phê bình gián tiếp

Chiến lược	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Yêu cầu thay đổi, đưa ra lời khuyên và gợi ý cách sửa lỗi	72	84,7
Mong đợi và kì vọng	7	8,2
Diễn tả sự tiếc nuối	2	2,4
So sánh	3	3,5
Tự phê bình	1	1,2
Tổng cộng	85	100

4.3.1. Yêu cầu thay đổi, đưa ra lời khuyên và gợi ý cách sửa lỗi

Để thể hiện nhu cầu thay đổi, các huấn luyện viên sử dụng các cấu trúc như *Em cần...*, *Em phải...* như thể hiện trong các ví dụ sau:

(19) *Đây sẽ là một bài học đối với em, em phải cố gắng làm sao để cái giọng của em nó điều khiển được tốt hơn thay vì bây giờ âm lượng của tất cả các nốt của em hát đều giống nhau hết.* (tập 1, Vòng Giấu mặt)

(20) *Và một điều quan trọng hơn nữa là em phải tập luyện về nhịp phách hơn, nhịp của em không tốt.* (tập 1, Vòng giấy mặt)

Khuyến là hành động ngôn từ chỉ thị mà qua đó người nói hướng người nghe thực hiện một hành động cụ thể trong tương lai mà người nghe quan tâm. Nghĩa là, khi người nói khuyến người nghe thực hiện một hành động, người đó đề nghị người nghe thực hiện hành động đó đồng thời giả định rằng việc thực hiện hành động đó sẽ tốt cho người nghe. Trong nghiên cứu của mình, Searle [10, tr.7] cho rằng khuyến ai đó không phải là cố gắng khiến người đó làm điều gì yêu cầu mà khuyến giống như nói cho người đó biết điều gì là tốt nhất cho họ.

Trong chương trình Giọng hát Việt, các giám khảo đã dùng những cách diễn đạt sau để đưa ra lời khuyên cho các thí sinh: *Em nên...*, *Anh/ chị khuyên em....* Ví dụ:

(21) *Anh chị khuyên em một điều là hãy cố gắng chuẩn bị tốt hơn nữa* (tập 1, Vòng Giấu mặt)

(22) *Bài này hơi quá đối với em Em nên chọn một bài hát phù hợp với giọng mình hơn.* (tập 3, Vòng Giấu mặt)

Sau khi đưa ra những đánh giá tiêu cực, nêu vấn đề, đưa ra lời khuyên về việc thay đổi, giám khảo thường đưa ra đề xuất cách sửa lỗi dựa trên những hạn chế mà thí sinh mắc phải. Khi đưa ra những gợi ý sửa lỗi, các giám khảo Giọng hát Việt sử dụng cấu trúc chứa động từ gợi ý, câu điều kiện như: *gợi ý của anh/ chị là..., sẽ tốt hơn nếu..., giá mà..., nếu như..., hãy..., theo anh/ chị, ... phải chi/ chẳng...*

(23) *Nếu mình hát những bài hát luyện lấy nhiều, theo anh mình nên dừng ở mức độ vừa phải thôi, hoặc không là mình làm quá luôn, tôi luôn, bọn em đang bị hơi nữa rồi ấy.* (tập 2, Vòng Giấu mặt)

(24) *Anh cho em một gợi ý này, cái giọng hát của em ấy, nó đang bị lỡ cỡ, vậy nên trong cái cuộc thi này em phải định hướng được rõ ràng hơn.... mình phải làm cái gì đấy nó vừa sức của mình.* (tập 4)

4.3.2. Mong đợi và kì vọng

Ở chiến lược này, các giám khảo bày tỏ hi vọng các thí sinh sẽ tiến bộ hơn trong tương lai và sử dụng các từ như *mong*, *hi vọng* để truyền tải sự kì vọng của mình.

(25) *Chị mong là em sẽ trau dồi nhiều nữa.* (tập 11)

(26) *Nếu như có thêm cơ hội để hát những ca khúc mà nó lâu đời như vậy thì anh hi vọng là em dành thời gian để nghe những bậc tiền bối của mình diễn tả cảm xúc.* (tập 10)

4.3.3 Diễn tả sự tiếc nuối

Diễn tả tiếc nuối là cách thể hiện cảm giác hối tiếc, cảm thấy tiếc vì một điều gì đó không diễn ra theo mong muốn, hoặc vì một cơ hội đã qua đi mà không thể thay đổi. Trong chương trình Giọng hát Việt năm 2018, giám khảo sử dụng cấu trúc *Tôi tiếc là...* để đưa ra lời phê bình:

(27) *Tôi tiếc là cái đoạn cuối là các em bè cho Trâm hát thì hơi bị lớn quá so với lúc Trâm hát.* (tập 5)

4.3.4. So sánh

Với chiến lược này, ban giám khảo đưa ra những lời phê bình một cách gián tiếp bằng cách so sánh giữa các thí sinh với nhau hoặc giữa các màn trình diễn khác nhau của cùng một thí sinh. Về mặt biểu đạt ngôn ngữ, ban giám khảo sử dụng các từ như **như**, **bằng** để biện minh cho ý kiến của mình.

(28) *Hằng My, em có hơi rụt rè một tí. Khi em hát, cái ca khúc này nó không thoải mái uyển chuyển bằng bạn hát của em.* (tập 6)

(29) *Hôm nay thực sự các em hát không bằng lúc tập. Cái ranh giới giữa chuyện sống và hét lớn rất là mong manh.* (tập 8)

4.3.5. Tự phê bình

Không giống như các chiến lược khác, ở chiến lược phê bình này, ban giám khảo tự phê bình bản thân với mục đích khiến thí sinh nhận ra vấn đề của chính họ. Ví dụ:

(30) *Anh xin lỗi vì đã dành quá nhiều lời khen cho Ngọc để em bắt đầu quá tự tin vào khả năng của em.* (tập 7)

Khi sử dụng chiến lược phê bình gián tiếp, người nói có thể đạt được hiệu quả giao tiếp cao trong việc giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với người nghe, đặc biệt là khi người nghe là thí sinh trong một chương trình thi đấu như *Giọng hát Việt*. Phê bình gián tiếp giúp giảm thiểu cảm giác bị chỉ trích, tạo không gian cho người thí sinh tự nhận thức và tự điều chỉnh, từ đó không làm tổn thương lòng tự trọng của họ. Đây là một chiến lược quan trọng khi mục tiêu là động viên và khuyến khích người nghe phát triển hơn là chỉ trích họ. Đối với người nghe, chiến lược này mang đến cảm giác dễ chịu hơn, giảm căng thẳng và lo lắng, giúp họ cảm thấy được tôn trọng và dễ dàng tiếp nhận phản hồi. Đối với khán giả, chiến lược này đôi khi tạo ra sự mơ hồ hoặc thiếu thông tin rõ ràng về tiêu chí đánh giá của giám khảo, làm giảm sự thuyết phục hoặc sự gắn kết giữa khán giả với chương trình. Tuy nhiên, khi được thực hiện một cách khéo léo, phê bình gián tiếp vẫn có thể đạt được hiệu quả giao tiếp cao, giúp duy trì sự tôn trọng, đồng thời giữ cho không khí chương trình trở nên nhẹ nhàng và tích cực hơn.

4.4. Chiến lược phê bình kết hợp

Chiến lược kết hợp đề cập đến sự kết hợp giữa hai hoặc nhiều chiến lược gồm chiến lược trực tiếp và chiến lược gián tiếp trong cùng một phát ngôn phê bình.

Trong các chương trình truyền hình *Giọng hát Việt* 2018, giám khảo đôi khi kết hợp hai chiến lược này với nhau, hầu hết sự kết hợp đều bao gồm đánh giá tiêu cực và yêu cầu thay đổi, hoặc xác định vấn đề và đưa ra lời khuyên về thay đổi hoặc đề xuất thay đổi. Ví dụ:

* **Đánh giá tiêu cực và yêu cầu thay đổi**

(31) *Cái phần trình diễn vừa rồi nó không phải là cái lúc mà hát tốt nhất của cả hai (**đánh giá tiêu cực**). Các em phải cố gắng nhiều hơn nữa. (**yêu cầu thay đổi**)* (tập 7)

* **Xác định vấn đề/ Hậu quả và đưa ra lời khuyên/đề xuất cách sửa lỗi:**

(32) *Vấn đề là em chưa giải quyết được vấn đề về thanh nhạc (**chỉ ra vấn đề**). Khi em càng lên cao, em cứ co hết cái cổ lại để em gập lên, nhìn rất khó chịu (**chỉ ra hậu quả**). Em nên tận dụng quãng trung của mình nhiều hơn (**gợi ý cách sửa lỗi**).* (tập 3, Vòng Giấu mặt)

Kết quả nghiên cứu về các chiến lược phê bình trong chương trình *Giọng hát Việt* năm 2018 đã chỉ ra rằng các giám khảo chủ yếu sử dụng chiến lược phê bình gián tiếp, sau đó là chiến lược phê bình trực tiếp và chiến lược kết hợp. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu lý thuyết trước đó, đặc biệt là nghiên cứu của Nguyễn Thị Thuý Minh [8] về chiến lược phê bình. Theo Nguyễn Thị Thuý Minh [8], trong môi trường giao tiếp của người Việt, đặc biệt là trong các tình huống chính thức và công khai, việc phê bình phải được thực hiện một cách tế nhị, khéo léo để không làm tổn thương thể diện của đối phương. Các giám khảo trong *Giọng hát Việt* năm 2018 chủ yếu sử dụng chiến lược phê

bình gián tiếp để tránh làm tổn thương thể diện của thí sinh và tạo ra một không khí giao tiếp hoà nhã, dễ tiếp thu. Kết quả này không chỉ khẳng định sự tồn tại của các chiến lược phê bình gián tiếp trong giao tiếp tiếng Việt mà còn mở rộng hiểu biết về cách thức giao tiếp trong các nền văn hoá trọng thể diện, như văn hoá Việt Nam. Những kết quả này cũng góp phần làm phong phú thêm lí thuyết về chiến lược phê bình trong giao tiếp và phản hồi phê bình.

5. Kết luận

Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích tìm hiểu các chiến lược phê bình được sử dụng bởi các giám khảo trong chương trình *Giọng hát Việt* 2018. Kết quả nghiên cứu đã xác định được ba chiến lược phê bình chính mà các giám khảo áp dụng, bao gồm chiến lược phê bình trực tiếp, chiến lược phê bình gián tiếp và chiến lược kết hợp; đồng thời cũng chỉ ra ảnh hưởng của văn hoá đến việc lựa chọn chiến lược phê bình. Văn hoá Việt Nam, với đặc trưng là một nền văn hoá phương Đông coi trọng tính cộng đồng và sự tôn trọng thể diện của người đối thoại, đòi hỏi giám khảo phải chú trọng đến việc lựa chọn chiến lược phê bình gián tiếp, với góp ý nhẹ nhàng và không làm tổn thương danh dự của người nghe.

Nghiên cứu này, mặc dù đã phân tích khá chi tiết các chiến lược phê bình qua lời nói song còn thiếu vắng những phân tích về tín hiệu phi ngôn ngữ, điều này khiến cho bức tranh về chiến lược phê bình chưa đầy đủ. Đặc biệt, trong bối cảnh các chương trình truyền hình thực tế như *Giọng hát Việt*, giám khảo không chỉ đưa ra nhận xét mà còn có những tương tác phi ngôn ngữ phong phú với thí sinh, sự kết hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cơ thể có thể tạo ra một hiệu ứng mạnh mẽ hơn rất nhiều trong việc tiếp nhận và phản hồi của người nghe. Do đó, nghiên cứu về các tín hiệu phi ngôn ngữ trong quá trình phê bình có thể mở ra hướng tiếp cận mới, bổ sung cho những hiểu biết hiện tại về cách thức mà các giám khảo sử dụng ngôn ngữ để đưa ra phê bình. Đây sẽ là một gợi mở thú vị cho những nghiên cứu tiếp theo, đặc biệt trong việc tìm hiểu mối quan hệ giữa lời nói và hành động trong việc phê bình, cũng như cách các yếu tố phi ngôn ngữ tác động đến hiệu quả của chiến lược phê bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin, J. L. *How to do things with words*. Oxford: Oxford University Press, 1962.
2. Brown, P., & Levinson, S. *Politeness: Some universals in language usage*. Cambridge University Press, 1987.
3. Edward, T. H., *Understanding cultural differences*. Boston: Intercultural Press, 1990.
4. Hoàng Thị Xuân Hoa. *The speech act of criticizing by the Vietnamese and the Anglo-American: A cross-culture study*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
5. House, J., & Kasper, G. *Politeness markers in English and German*. Trong F. Coulmas (Ed.), *Conversational Routine. Explorations in standardized communication situation and pre-patterned speech*. Mouton Publishers, 1981.
6. Leech, G. *Principles of pragmatics*. Longman, 1983.
7. Miles, M. B., Huberman, A. M., & Saldaña, J. *Qualitative data analysis: A methods sourcebook* (3rd ed.). SAGE Publications, 2014.
8. Nguyễn Thị Thuý Minh. *Criticizing and responding to criticism in a foreign language: A study of Vietnamese learners of English*. Luận án Tiến sĩ, The University of Auckland, 2005.
9. Nguyễn Thị Thuý Minh. *Criticizing in an L2: Pragmatic strategies used by Vietnamese EFL learners*. *Intercultural Pragmatics*, 1(5), 41-66, 2008.
10. Searle, J. R. *Speech acts: An essay in the philosophy of language*. Cambridge University Press, 1969.
11. Tracy, K., & Eisenberg, E., *Giving criticisms: a multiple goal case study*. *Research on Language and Social Interaction* 24, 37-70, 1990.
12. Tracy, K., Van Dusen, D., & Robinson, S. *Good and bad criticism: a descriptive analysis*. *Journal of Communication* 37, 46-59, 1987.
13. Tran Hoài Ninh. *A cross-cultural study on criticizing in English and Vietnamese*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Mở Hà Nội, 2016.
14. Vu Thuý Linh. *An American - Vietnamese cross-cultural study on teachers' criticisms to students' presentations*. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.